

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày: 11-01-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI**

- THnhà phân hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Bình Trọng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Giang Vân;

2. Bà Trần Thị Huệ.

T ký phiên toà: Bà H Thị Thanhà Tuyên - T ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai kiểm sát xét xử tại phiên toà: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. N T T, tên gọi khác: Không, sinhà ngày 13/11/1986 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn B N, xã X Q, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông N T S sinhà năm 1960; con bà T T H sinhà năm 1962; vợ: H T T sinhà năm 1990; con: bị cáo có 01 con, sinhà năm 2013; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2021, tạm giam từ ngày 01/10/2021, ngày được cho tại ngoại: Không; Hiện bị cáo đang được tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. L T H, tên gọi khác: Không, sinhà ngày 25/9/1997 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn T T, xã T Q, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông L V T sinhà năm 1979; con bà Đ T S sinhà năm 1979; chồng: N V P sinhà năm 1988 (đã ly hôn); con: bị cáo có 01 con sinhà năm 2018; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/11/2021 - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị H T T, sinhà năm 1990

Nơi cư trú: Thôn B N, xã X Q, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Những người làm chứng:

+ Chị H T P sinh năm 2001
Nơi cư trú: Thôn S 2, xã K Y H, huyện V B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt;
+ Anh T V C sinh năm 1991
Nơi cư trú: Thôn G B, xã X G, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt;
+ Anh N V T sinh năm 1987
Nơi cư trú: Thôn T H 3, xã S H, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt;
+ Chị Đ T T sinh năm 1975
Nơi cư trú: Thôn B N, xã X Q, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt;
+ Chị N T H sinh năm 1968
Nơi cư trú: Thôn C M, xã X Q, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt;
+ Anh T V T sinh năm 1991
Nơi cư trú: Thôn C T, xã P N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số 48/CT-VKSBT ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo về Hành vi phạm tội như sau:

Vào hồi 16 giờ 40 phút ngày 21/9/2021 tổ công tác Công an huyện B tiến hành kiểm tra nhà nghỉ T Tr tại thôn B N, xã X Q, huyện B, tỉnh Lào Cai phát hiện tại phòng 102 T V C sinh năm 1991 và H T P sinh năm 2001 trong tình trạng trên người không mặc quần áo đang chuẩn bị thực hiện hành vi quan hệ tình dục; Tại phòng 103 phát hiện N V T sinh năm 1987 và L T H sinh năm 1997 trong tình trạng trên người không mặc quần áo đang chuẩn bị thực hiện hành vi quan hệ tình dục, các đối tượng khai nhận có hành vi mua bán dâm qua số điện thoại 0373952050 của chủ thuê bao là anh N T T.

Tại hiện trường tổ công tác đã tiến hành lập biên bản và tạm giữ các tài liệu, đồ vật gồm:

+ Tại phòng 102 tạm giữ 01 bao cao su màu trắng trong suốt đã qua sử dụng trên mặt đệm ở trên giường; một vỏ bao cao su một mặt màu trắng bạc một mặt màu vàng có chữ nước ngoài “Water & Lutus” vỏ đã bị xé rách mất một góc trên nền nhà sát chân tường cạnh cửa ra vào; tạm giữ của T V C 01 điện thoại di động Nokia 150 màu trắng bên trong lắp số sim 0988025842 và số tiền 400.000 đồng; tạm giữ của H T P 01 điện thoại OPPO A3S màu đỏ.

+ Tại phòng 103 tạm giữ của L T H tài sản gồm 01 điện thoại di động Nokia 150 màu đen bên trong lắp một sim Viettel số thuê bao 0373952050 và một sim Vinaphone số thuê bao 0822697224; 01 bao cao su chưa sử dụng, vỏ bao màu vàng nhạt, trên vỏ có dòng chữ nước ngoài “Water & Lutus”; số tiền 400.000 đồng; 01 điện thoại Vivo màu xanh. Tạm giữ tại nhà nghỉ T Tr tài sản của vợ chồng N T T 01 xe máy hiệu Honda, loại xe Wave ANP màu Trắng đen bạc, biển kiểm soát 24B1-978.79 số máy HC12E7178914, số khung 1256FY179101 cùng 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 030895, biển số 24B1-978.79 mang tên T V T.

Căn cứ vào lời khai của L T H và H T P, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét nơi ở của N T T thu giữ: 02 hộp bao cao su còn nguyên vẹn có đặc điểm vỏ hộp màu hồng, bên ngoài bọc lớp nilon trong suốt, trên vỏ hộp có số 002 có nhiều chữ nước ngoài và dòng chữ “Water & Lutus” tại phòng ngủ của T; 01 hộp bao cao su đã dùng dở có đặc điểm nhàu hộp thu giữ tại phòng của T, bên trong còn 50 chiếc bao cao su còn nguyên chưa bóc vỏ (nằm ở vị trí phòng ngủ thứ hai bên phải từ ngoài vào), tại vị trí trên giá đỡ tivi ở góc tường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định:

N T T, L T H và H T P có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Đầu tháng 9 năm 2021 H T P liên lạc với N T T rồi P đến nhà T tại thôn B N, xã X Q, huyện B để ở và đi làm nhân viên, gái bán dâm” theo sự môi giới, dẫn dắt của T. Khoảng một tuần sau thì L T H cũng đến ở nhà T để đi làm nhân viên, gái bán dâm” dưới sự môi giới, dẫn dắt của T. T thỏa thuận miệng với P và H số tiền bán dâm được sẽ chia cho T một nửa và gái bán dâm một nửa, chi phí ăn uống Hàng ngày do T chi trả; mỗi lần bán dâm nhanh T thu của khách 300.000 đồng, còn bán dâm qua đêm T thu của khách khoảng 1.000.000 đồng. T sử dụng điện thoại di động Nokia 150 màu đen bên trong lắp sim Viettel số thuê bao 0373952050 để khách mua dâm liên lạc khi có nhàu cầu mua dâm.

Vào buổi sáng ngày 21/9/2021 do bận công việc nên T cầm điện thoại di động bên trong lắp sim 0373952050 vào phòng ngủ của H, T đưa điện thoại cho H và nói “*ai gọi thì nghe, có khách gọi thì đi, anh bạn*” H hiểu T bảo là nếu có ai gọi thì nghe, nếu có khách gọi mua dâm thì đi bán dâm vì T bận. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T V C dùng số điện thoại 0988025842 gọi đến số 0373952050 của N T T để hỏi mua dâm. Lúc này T, H và P đang ngồi ở giường trong phòng của T. Khi thấy có cuộc gọi đến, H là người nghe điện thoại, C hỏi: Đây có phải số điện thoại của anh T không, H trả lời “*Phải*”, C hỏi tiếp: “*NHÀ còn nhân viên không*”, H nói “*Còn*”, C nói tiếp: “*Cho hai nhân viên, cho em P hôm trước và một người nữa đến nhà nghỉ T Tr*” Sau đó H nói với P “*P đi làm cùng chị*”, P trả lời “*chị đi đi*” H nói “*khách gọi đích danh tên P đây*” nên P đồng ý đi bán dâm. Khi P đứng dậy thì H nói với T: “*bọn em đi làm*”, T hiểu là đi bán dâm nên trả lời “*ừ*”. H nói xong thì H và P về phòng của mình thay quần áo rồi điều khiển xe máy BKS 24B1-978.79 trở nhau đến nhà nghỉ T Tr thuộc thôn B N, xã X Q, huyện B để bán dâm cho T V C và N V T, khi đang chuẩn bị quan hệ tình dục thì bị tổ công tác Công an huyện B kiểm tra phát hiện.

Xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ tạm giữ của H T P; 01 điện thoại di động Vivo màu xanh tạm giữ của L T H; 01 điện thoại di động Nokia 150 màu trắng bên trong có lắp 01 sim số thuê bao 0988025842 của T V C; 01 sim vinaphon số thuê bao 0822697224 của N T T. Các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của N T T và L T H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng số 05 ngày 25/11/2021 trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định. Còn lại các vật chứng khác Hội đồng xét xử sẽ xem xét giải quyết theo quy định.

Từ các căn cứ trên Viện kiểm sát nhân dân huyện B Quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B để xét xử đối với bị cáo N T T về tội “Môi giới mại dâm”

theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự và đối với bị cáo L T H về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo N T T và L T H đã khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo N T T và L T H phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

- + Hình phạt chính: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo N T T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 328; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo L T H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Môi giới mại dâm”. Thời gian thử thách theo quy định.

- + Hình phạt bổ sung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với mỗi bị cáo N T T và L T H từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Về vật chứng:

- + Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số bao cao su;

- + Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 400.000 đồng thu giữ của L T H, 400.000 đồng thu giữ của T V C và 01 điện thoại Nokia 150 màu đen cùng 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao 03733952050 của N T T;

- + Tịch thu sung ngân sách nhà nước 1/2 giá trị tài sản xe máy Wave ANP màu Trắng đen bạc, số máy HC12E7178914, số khung 1256FY179101 cùng 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 030895, biển số 24B1-978.79 và trả lại cho chị H T T ½ giá trị tài sản của chiếc xe máy này;

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị Quyết 326 của Quốc Hội để tuyên án phí đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo N T T và L T H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo là người khỏe mạnh, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù biết được việc môi giới mại dâm là hành vi bị nghiêm cấm, vi phạm pháp luật nhưng vào buổi chiều ngày 21/9/2021 các bị cáo đã môi giới mại dâm cụ thể:

- N T T đã môi giới dẫn dắt H T P và L T H bán dâm cho N V T và T V C nhằm thu lời bất chính, dùng điện thoại Nokia 150 đen trắng sử dụng số sim 0373952050 đưa cho L T H nói khi có khách gọi mua dâm thì đi bán dâm; như vậy bị cáo N T T đã môi

giới cho cả bị cáo H và chị P bán dâm nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Môi giới mại dâm với tình tiết định khung là “đối với 02 người trở lên”: quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

- Đối với L T H khi được bị cáo T giao chiếc điện thoại di động Nokia 150 đen trắng sử dụng số sim 0373952050 đã trực tiếp nghe điện thoại và thỏa thuận với T V C về việc mua bán dâm, L T H đã trực tiếp bán dâm cho T và giúp sức cho T làm trung gian, dẫn dắt để H T P bán dâm cho C như khi bị cáo T đưa cho chiếc điện thoại di động Nokia 150 đen trắng lắp sim 0373952050 đã dặn H “*ai gọi thì nghe, có khách gọi thì đi, anh à bạn*” khi anh T V C gọi để mua dâm đã nghe và khách hỏi “*Cho hai nhân viên cho em P hôm trước và một người nữa đến nhà nghỉ T Tr*” đã tích cực giúp sức như nói với P: “*P đi làm cùng chị*”, và trực tiếp điều khiển xe trở chị P, cả H và P cùng đi bán dâm nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Môi giới mại dâm với vai trò là người giúp sức theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo N T T là người giữ vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng, tích cực thực Hành như: cho gái bán dâm đến nhà nuôi ăn ở để thuận tiện cho việc môi giới và quản lý, thỏa thuận giá cả, thu tiền nếu khách liên hệ trực tiếp, trở gái bán dâm đến địa điểm bán dâm, đồng thời T cũng trực tiếp môi giới, thỏa thuận giá cả, thu tiền nếu khách mua dâm liên hệ trực tiếp, trở người bán dâm đến địa điểm bán dâm theo yêu cầu của người mua dâm. Đối với L T H là người dùng số điện thoại 0373952050 lắp trong điện thoại Nokia 150 đen trắng do N T T giao cho để làm trung gian dẫn dắt cho H T P bán dâm cho C nên bị cáo H giữ vai trò là người giúp sức trong vụ án.

Qua xem xét, đánh giá Hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Đối với bị cáo N T T là người khởi xướng, tích cực thực Hành, đã chỉ đạo cho bị cáo H môi giới cho cả H và P bán dâm với tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự nhằm thu lợi bất chính nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Qua xem xét đánh giá hành vi, tính chất và mức độ tham gia tội phạm và tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình khởi tố điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc để lượng hình.

+ Đối với bị cáo L T H đã tích cực giúp sức như nói với P: “*P đi làm cùng chị*”, và trực tiếp điều khiển xe trở chị P, cả H cùng P cùng đi bán dâm đã thể đồng phạm giúp sức một cách tích cực nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện. Qua xem xét đánh giá hành vi, tính chất và mức độ tham gia tội phạm và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo nhà phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo đang nuôi con nhỏ, có vai trò không đáng kể trong vụ án, bán dâm để kiếm sống không vụ lợi; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án tương xứng với tính chất, mức độ, Hành

vi phạm tội đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện B quyết định truy tố đối với các bị cáo N T T về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 và truy tố đối với bị cáo L T H về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh và chuẩn mực đạo đức xã hội, đồng thời gây mất trật tự xã hội ở địa P, vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Ngoài ra trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không làm rõ thêm được tình tiết và nội dung gì khác.

Đối với T V C là người mua dâm H T P, N V T là người mua dâm L T H, tại thời điểm bán dâm cả H và P đều trên 18 tuổi nên Hành vi của anh C và anh T Không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua dâm người dưới 18 tuổi” theo quy định tại Điều 329 Bộ luật hình sự. Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm Hành chính đối với C và T.

Đối với chị H T P ngày 25/11/2021 đã bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm Hành chính bằng hình thức phạt tiền, ngày 26/11/2021 H T P đã chấp Hành xong

Đối với Đ T T là chủ nhà nghỉ T Tr, trong quá trình kinh doanh chị T đã thuê N T H là người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào làm việc tại cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Khi làm việc tại nhà nghỉ T Tr chị H đã cho khách thuê phòng nghỉ nhưng không biết mục đích khách thuê phòng nghỉ để thực hiện hành vi mua, bán dâm nên hành vi của Đ T T và N T H không đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại Điều 327 Bộ luật hình sự. Việc chị N T H cho khách thuê phòng nghỉ đã không kiểm tra giấy tờ tùy thân, không ghi thông tin của khách vào sổ lưu trú quản lý của nhà nghỉ, do đó Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày 25/11/2021 với Đ T T là chủ nhà nghỉ T Tr về hành vi “Sử dụng người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào làm việc trong cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự” và hành vi “Không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh, trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện” theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

[2]: Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo L T T thực hiện hành vi “Môi giới mại dâm” để kiếm lời, không thuộc diện hộ cận nghèo, hộ cận nghèo nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000 đồng; còn bị cáo L T H không có tài sản riêng, có vai trò không đáng kể trong vụ án, bán dâm để kiếm sống, không vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L T H.

[3] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng còn lại gồm 01 bao cao su màu trắng trong suốt đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su một mặt màu trắng bạc một mặt màu vàng có chữ nước ngoài “Water & Lotus” vỏ đã bị xé rách mất một góc tạm giữ tại phòng 102 của nhà nghỉ; 01 bao cao su chưa sử dụng, vỏ bao màu vàng nhạt, trên vỏ có chữ nước ngoài Water & Lotus thu giữ của bị cáo H; 02 hộp bao cao su còn nguyên vẹn có đặc điểm vỏ hộp màu hồng, bên ngoài bọc lớp nilon trong suốt, trên vỏ hộp có số 002 và có nhiều chữ nước ngoài và dòng chữ Water & Lotus tạm giữ tại phòng ngủ của T;

01 hộp bao cao su đã dùng dở bên trong còn 50 chiếc bao cao su còn nguyên chưa bóc vỏ không còn giá trị sử dụng, 01 sim Viettel số thuê bao 03733952050 là công cụ, P tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 xe máy hiệu Honda loại xe Weve ANP màu trắng đen bạc, BKS 24B1-978.79 số máy HC 12E7178914, số khung 1256FY179101 cùng 01 đăng ký xe mô tô xe máy số 030895, BKS 24B1-978.79 sử dụng phục vụ việc phạm tội là tài sản chung của vợ chồng bị cáo N T T, chị H T T cần tịch thu sung ngân sách NHÀ nước 1/2 giá trị, trả lại 1/2 giá trị của chiếc xe cùng giấy tờ đăng ký xe cho chị H T T;

+ Đối với số tiền 400.000 đồng của L T H và 400.000 đồng thu giữ của T V C do C đã trả tiền mua dâm, 01 chiếc điện thoại Nokia 150 màu đen số seri 1: 357748105657756, số seri 2: 357748106657755 cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

Đối với mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B xử phạt bị cáo N T T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, xét thấy là nặng, Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo N T T được hưởng mức án 03 năm 03 tháng tù vẫn có tác dụng dăn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung; đề nghị xử phạt bị cáo L T H 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, mức đề nghị này là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo N T T và L T H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo N T T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 328; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường

vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo L T H.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo N T T và bị cáo L T H phạm tội “Môi giới mại dâm”.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo N T T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 22/9/2021;

- Xử phạt bị cáo L T H 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã Trì Quang, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo N T T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

4. Về Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su màu trắng trong suốt đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su một mặt màu trắng bạc một mặt màu vàng có chữ nước ngoài “Water & Lotus” vỏ đã bị xé rách mất một góc tạm giữ tại phòng 102 của nhà nghỉ; 01 bao cao su chưa sử dụng, vỏ bao màu vàng nhạt, trên vỏ có chữ nước ngoài Water & Lotus thu giữ của bị cáo H; 02 hộp bao cao su còn nguyên vẹn có đặc điểm vỏ hộp màu hồng, bên ngoài bọc lớp nilon trong suốt, trên vỏ hộp có số 002 và có nhiều chữ nước ngoài và dòng chữ Water & Lotus tạm giữ tại phòng ngủ của T; 01 hộp bao cao su đã dùng dở bên trong còn 50 chiếc bao cao su còn nguyên chưa bóc vỏ không còn giá trị sử dụng, 01 sim Viettel số thuê bao 03733952050 (số vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai);

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: số tiền 400.000 đồng của L T H và 400.000 đồng thu giữ của T V C do C đã trả tiền mua dâm (được gửi tại Kho bạc NHÀ nước huyện B, tỉnh Lào Cai), 01 chiếc điện thoại Nokia 150 màu đen số seri 1: 357748105657756, số seri 2: 357748106657755 (vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai);

- Tịch thu sung quỹ NHÀ nước $\frac{1}{2}$ giá trị đối với 01 xe máy hiệu Honda loại xe Weve ANP màu trắng đen bạc, BKS 24B1-978.79 số máy HC 12E7178914, số khung 1256FY179101 và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe cùng 01 đăng ký xe mô tô xe máy số 030895, BKS 24B1-978.79 cho chị H T T (vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai).

5. Về án phí: Bị cáo N T T và bị cáo L T H mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện B;
- Công an Huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- NHÀ tạm giữ CA huyện B;
- Các bị cáo (2);
- Người có ql,nvlq;
- Lưu: HS, THS, THAHS, TA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

